

NHỮNG GÌ NỔI BẬT TUẦN QUA

Cân đối cung cầu cập nhật 17/06

Thái Lan bán 1,99 triệu tấn trong đấu thầu

Chào giá xuất khẩu tham chiếu và giá chào của doanh nghiệp ổn định, giao dịch ảm đạm

Nhà kho nhà nước thu mua trở lại, nhu cầu thu mua nhiều

Giá gạo thơm ổn định, giao dịch tiếp tục ít

Cửa khẩu Cao Bằng, Lào Cai tiếp tục ngưng lại, giao dịch tại Hải Phòng yếu

Chất lượng gạo Hè Thu được cải thiện rõ rệt

Bản tin

Bản tin Thị trường Lúa gạo Việt Nam

(Tuần 13/06/2016-17/06/2016)

Phát hành trước 15h chiều thứ 6 hàng tuần

Phát hành trước 15h chiều thứ 6 hàng tuần

Công ty CP Phân tích và Dự báo Thị trường Việt

Công ty CP Phân tích và Dự báo Thị trường Việt
Nam – AGROMONITOR

Văn phòng: P.1604, tòa nhà số 101 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà
Nội

Tel: +84 4 35627684

Fax: +84 4 35627705

Hotline: 0943 411 411

Website: www.agromonitor.vn

Email: agromonitor.hn@gmail.com

Cân đối cung cầu lúa gạo Đồng bằng Sông Cửu Long năm 2016 – cập nhật 17/06

Một số chỉ tiêu cân đối cung cầu của Quý 2, Quý 3 năm 2016

Chỉ tiêu	Quý 2			Quý 3		
	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9
Sản lượng gạo	644	435	1,618	1,597	782	949
Nhập khẩu	30	-	-	30	30	30
Xuất khẩu chính ngạch	469	310	400	500	600	600
Xuất khẩu tiểu ngạch	125	101	92	100	100	150
Tổng tồn kho cuối kỳ	1,125	932	1,275	1,574	1,321	1,077

Một số chỉ tiêu cân đối cung cầu của Quý 2, Quý 3 năm 2015

Chỉ tiêu	Quý 2			Quý 3		
	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9
Sản lượng gạo	1,825	564	1,069	1,203	1,224	979
Nhập khẩu	70	-	-	50	100	50
Xuất khẩu chính ngạch	735	565	586	636	470	444
Xuất khẩu tiểu ngạch	249	121	90	117	144	196
Tổng tồn kho cuối kỳ	1,889	1,485	1,343	1,282	1,486	1,444

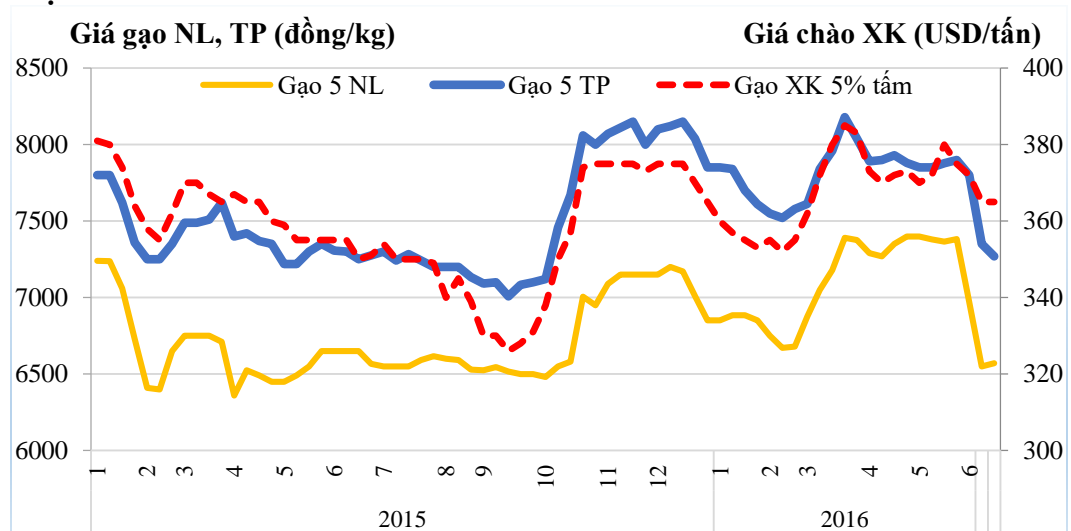
Một số nhận định của bảng cân đối cung cầu cập nhật như sau:

- Tồn kho gạo ở mức thấp vào cuối tháng 5 do kết thúc thu hoạch Đông Xuân và mới bước vào thu hoạch sớm Hè Thu, đạt mức 932 ngàn tấn (cùng kỳ năm trước là 1,48 triệu tấn). Trong đó tồn kho gạo thơm ở mức 280 ngàn tấn vào thời điểm cuối tháng 5/2016, chủ yếu là tồn kho lúa thơm trong nông dân. Tồn kho gạo nếp cuối tháng 5 vào khoảng 88 ngàn tấn, thời điểm đầu tháng 6, thu hoạch nếp rải rác tại Đồng Tháp, dự kiến khoảng 1 tháng nữa nếp tại Long An sẽ thu hoạch.
- Tồn kho gạo trắng vào thời điểm cuối tháng 5/2016 ở mức 563 ngàn tấn, trong đó gạo trắng Đông Xuân khoảng 480 ngàn tấn, tình hình xuất khẩu gạo trắng vào đầu tháng 6 tiếp tục ảm đạm, chưa có hợp đồng tập trung trong khi vào tháng 6 nhiều

địa phương bước vào thu hoạch rộ Hè Thu, tồn kho cuối tháng 6 dự kiến đạt 1,27 triệu tấn (cùng kỳ năm trước là 1,34 triệu tấn), trong đó gạo trắng 943 ngàn tấn (ước tính khoảng 400 ngàn tấn gạo trắng Đông Xuân).

- Tính chung cả năm 2016, sản lượng lúa toàn vùng ĐBSCL vào khoảng 24,4 triệu tấn, chỉ giảm khoảng 450 ngàn tấn so với năm 2015 do Đông Xuân 2016-2017 thu hoạch sớm vào tháng 12/2016 khoảng 100 ngàn ha. Xuất khẩu chính ngạch năm 2016 dự báo đạt 6,15 triệu tấn (giảm 570 ngàn tấn so với năm trước), xuất khẩu tiểu ngạch dự báo đạt khoảng 1,45 triệu tấn (giảm 420 ngàn tấn), tổng xuất khẩu điều chỉnh đạt 7,6 triệu tấn (giảm 990 ngàn tấn so với năm trước). Tồn kho cuối năm 2016 vào khoảng 481 ngàn tấn.

Giá nguyên liệu, thành phẩm và giá chào xuất khẩu theo tuần, năm 2015-2016, cập nhật đến tuần 13/06-17/06/2016



Ghi chú: Từ tuần 06/06-10/06/2016: giá gạo TP 5 Hè Thu

CÁC DIỄN BIẾN QUAN TRỌNG CỦA THỊ TRƯỜNG TUẦN 13/06-17/06

BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ: Thái Lan bán 1,99 triệu tấn trong đấu thầu ngày 15/6. Chính phủ Iran cấm nhập khẩu gạo từ ngày 21/7. Hàn Quốc mua 70,556 ngàn tấn trong đấu thầu. Iraq mua 100 ngàn tấn gạo đồ nguồn gốc từ Ấn Độ. Thương nhân Indonesia bắt đầu thu mua gạo tấm từ Myanmar.

Hôm nay 17/6 Hiệp hội Lương thực Việt Nam và Thái Lan có cuộc gặp gỡ ở Đà Lạt/Lâm Đồng. Được biết đây là cuộc gặp thường niên giữa hai bên.

DIỄN BIẾN GIÁ XUẤT KHẨU: Giá xuất khẩu tham chiếu tính từ giá gạo thành phẩm ổn định ở mức 365 USD/tấn, FOB hàng tàu cho gạo 5% tấm. Giá chào xuất khẩu gạo 5% tấm của doanh nghiệp ở mức 365 USD/tấn, FOB, hàng tàu. Mức giá giao dịch được nói là cho gạo 5% tấm Hè Thu (Bạc bụng 7%) là 373-375 USD/tấn, FOB hàng cont. Thương nhân quốc tế cho biết, giá chào xuất khẩu gạo 5% Đông Xuân ở mức 373-375 USD/tấn, FOB hàng tàu.

GAO THƠM: Giá gạo thơm ổn định, giao dịch gạo Jasmine, Nàng Hoa, ST 21 yếu.

HÀNG TÀU: Từ 1-16/6, tàu cập cảng Hải Phòng giao 55,09 ngàn tấn, lũy kế từ đầu năm đến ngày 16/6, tàu cập cảng Hải Phòng giao 849,5 ngàn tấn (cùng kỳ năm trước 1,188 triệu tấn). Ngày 15/6 tàu King Rice cập cảng lấy 26 ngàn tấn đi châu Phi (ăn hàng 16 ngàn tấn gạo Jasmine, 3 ngàn tấn gạo 5%, 1,5 ngàn tấn tấm thơm, 2 ngàn tấn KDM).

GIAO DỊCH NỘI ĐỊA: Giao dịch gạo thành phẩm Hè Thu trở lại, nhà kho nhà nước hỏi mua nhiều. Chất lượng gạo Hè Thu được cải thiện.

DIỄN BIẾN GIÁ NỘI ĐỊA: Giá gạo nguyên liệu và thành phẩm Hè Thu tăng trở lại do chất lượng được cải thiện nhiều. Gạo thành phẩm 5% tấm IR 50404 Hè Thu ở mức 7000-7100 đồng/kg, tại kho.

HÀNG ĐI BẮC: Giao hàng tại biên giới chậm, phía Trung Quốc siết chặt nên giao hàng khó khăn. Giao dịch tại Hải Phòng ảm đạm.

NGUỒN CUNG HÈ THU 2016: Nguồn gạo Hè Thu về nhiều, chất lượng gạo Hè Thu được cải thiện rõ rệt, mặt gạo sáng.

1. DIỄN BIẾN NỔI BẬT THỊ TRƯỜNG VÀ GIÁ QUỐC TẾ

1.1. Thái Lan – Bán 1,99 triệu tấn trong đấu thầu

Nguồn tin quốc tế cho biết, phiên thầu mở ra chiều 15/6 Chính phủ Thái Lan đã bán khoảng 1,99 triệu tấn, thu về 19,4 tỷ Bath (551 triệu USD). Theo đó, có 39 nhà thầu đã trúng thầu trên 152 kho gạo của Chính phủ (có thông tin lượng gạo trắng Chính phủ bán ra khoảng trên 800 ngàn tấn). Đơn giá doanh nghiệp chào mua 5% tấm vào khoảng 285-315 USD/tấn (tại kho Chính phủ), nếu bao gồm chi phí như: vận chuyển, tái chế, bảo quản và xuất khẩu thì giá ở mức 331-360 USD/tấn. Chính phủ dự kiến tiếp tục mở thầu bán 1-2 triệu tấn vào tháng tới.

Ngày 14/6, Bí thư Thường trực Bộ Thương mại Thái Lan – Bà Chutima cho biết, Bộ đang đặt mục tiêu bán hết 10 triệu tấn gạo tồn kho trong năm nay, kể cả giao dịch thông qua các

hợp đồng Chính phủ G-G. Hiện tồn kho gạo của Chính phủ vào khoảng 10 triệu tấn, trong đó gồm 6 triệu tấn gạo chất lượng tốt, 2 triệu tấn gạo xấu không phù hợp với tiêu dùng và 2 triệu tấn gạo hỏng có thể sử dụng cho sản xuất Ethanol.

Theo Bộ trưởng Bộ Thương mại, phía Trung Quốc đã yêu cầu hoãn đàm phán để nhập thêm 1 triệu tấn từ Thái Lan (theo kế hoạch đàm phán sẽ diễn ra vào thứ 6 tuần này).

1.2. Iran - cấm nhập khẩu gạo từ ngày 21/7

Reuters ngày 13/6, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Iran cho biết, nước này sẽ cấm nhập khẩu gạo từ ngày 21/7 nhằm bảo hộ nông dân. Iran đã nhập khẩu 191 ngàn tấn trong năm nay, giảm so với năm trước đó.

1.3. Hàn Quốc - mua 70,556 ngàn tấn trong đấu thầu

Nguồn tin quốc tế ngày 10/6 cho biết, Hàn Quốc đã quyết định mua 70,556 ngàn tấn trong đấu thầu, giao hàng từ 9/2016-2/2017. Chi tiết lượng các đơn hàng như sau:

Lượng (tấn)	Chủng loại	Doanh nghiệp trúng thầu	Nguồn gốc	Giá trúng thầu (USD/tấn)
15000	Nguyên liệu hạt ngắn	Posco Daewoo Corp	Trung Quốc	866,7
14445	Nguyên liệu hạt ngắn	Posco Daewoo Corp	Trung Quốc	866,3
16111	Nguyên liệu hạt ngắn	DNB co.	Australia	861,2
3000	Thành phẩm hạt ngắn	The Ground Korea	Việt Nam	888,9
10000	Thành phẩm hạt trung	Singsong Food Corp	USA	704,87
10000	Thành phẩm hạt trung	Singsong Food Corp	USA	715,98
2000	Thành phẩm hạt dài	Singsong Food Corp	Thái Lan	511,21

1.4. Giá thế giới – Chào giá các nước xu hướng ổn định

Tuần này chào giá xuất khẩu Thái Lan, Việt Nam, Ấn Độ và Pakistan ổn định. Cuối tuần, giá gạo 5%/25%/đồ/100% tấm tại Thái Lan, Ấn Độ và Pakistan được chào giá lần lượt ở mức 418/395/434/352, 385/360/380/300 và 410/370/440/325 USD/tấn. Chào giá xuất khẩu gạo của Việt Nam ở mức 365/345/330 USD/tấn đối với gạo 5%/25%/100% tấm.

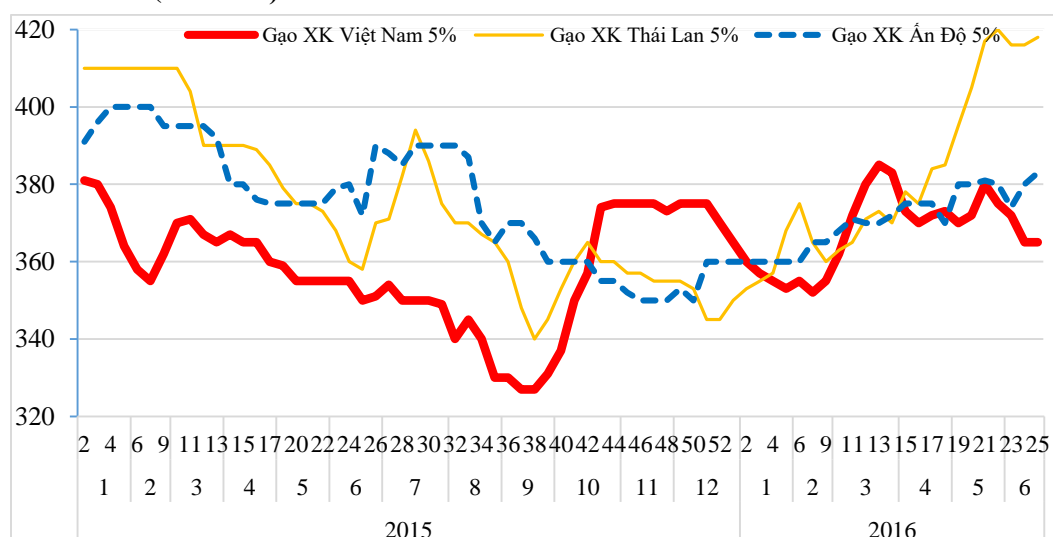
Giá gạo xuất khẩu thế giới theo chủng loại (Gạo 5%/Gạo 25%/Gạo đồ/Gạo 100%,USD/tấn)

Ngày/Date	10/06	13/06	14/06	15/06	16/06
Thailand	419/392/433/352	417/392/428/350	417/392/428/350	418/395/434/352	418/395/434/352
Vietnam	365/345/----/330	365/345/----/330	365/345/----/330	365/345/----/330	365/345/----/330
India	385/360/370/305	380/355/370/305	380/355/370/305	385/360/380/300	385/360/380/300
Pakistan	420/370/430/325	420/370/430/325	420/370/430/325	410/370/440/325	410/370/440/325

Tỷ giá các đồng tiền theo USD

Ngày/Date	10/06	13/06	14/06	15/06	16/06
EUR (Euroland Euro)	0.8846	0.8875	0.8909	0.8905	0.8949
INR (Indian rupee)	66.8082	67.1037	67.3096	67.1122	67.3000
THB (Thai baht)	35.1999	35.2050	35.2739	35.2645	35.3096
PHP-(Philippine peso)	45.9820	46.1502	46.3127	46.3330	46.4462
CNY (Chinese yuan renminbi)	6.5590	6.5861	6.5938	6.5810	6.5861
VND (Vietnamese dong)	22334.66	22321.06	22306.58	22305.06	22225.85

Giá chào xuất khẩu gạo của Việt Nam, Thái, Ấn Độ theo tuần, đến tuần 13/06-17/06/2016 (USD/tấn)



2. GIAO DỊCH XUẤT KHẨU – THỊ TRƯỜNG TRẦM LẶNG

Tuần này, giá xuất khẩu tham chiếu tính từ giá gạo thành phẩm ở mức 365 USD/tấn, FOB hàng tàu cho gạo 5% tằm. Giá chào xuất khẩu gạo 5% tằm của doanh nghiệp ở ổn định mức 365 USD/tấn, FOB, hàng tàu, thị trường trầm lắng.

Có thông tin doanh nghiệp chào xuất khẩu gạo 5% tằm Đông xuân/ Hè thu ở mức 400/375 USD/tấn, FOB, hàng cont. Trong khi đó thương nhân quốc tế cho biết, giá chào xuất khẩu gạo 5% Đông Xuân ở mức 373-375 USD/tấn, FOB hàng tàu. TUY NHIÊN, nhà kho tại Miền Tây cho biết khó có thể giao dịch ở mức giá này. Gạo thành phẩm 5% tằm Đông Xuân hiện đang giao dịch ở mức 8100 đồng/kg, tại kho (380 USD/tấn, cập mạn), chỉ giao dịch lượng nhỏ. Một số nhà kho cho biết thêm, thương nhân quốc tế đưa giá thấp hơn nhiều so với giao dịch nội địa hiện tại nên giao dịch xuất khẩu rất ảm đạm.

Ngày 11/6, tàu Heydee cập cảng lấy 29 ngàn tấn đi châu Cuba. Có thông tin cho biết trong tháng 6 này sẽ có 2 tàu vào ăn hàng đi Cuba, sau đó sẽ tạm ngưng và sang tháng 8 mới tiếp tục có tàu vào ăn hàng. Ngày 15/6 tàu King Rice cập cảng lấy 26 ngàn tấn đi châu Phi (ăn hàng 16 ngàn tấn gạo Jasmine, 3 ngàn tấn gạo 5%, 1,5 ngàn tấn tấm thơm, 2 ngàn tấn KDM).

Nhu cầu thu mua gạo Hè Thu từ một số kho nhà nước trở lại vào cuối tuần này do chất lượng gạo IR 50404 Hè Thu được cải thiện. Theo thông tin từ một số nhà kho, chất lượng gạo Hè Thu được cải thiện nhiều, bạc bụng tại một số địa phương thu hoạch mới như An Giang, Hậu Giang, Trà Vinh hiện ở mức 10%, mặt gạo sáng. Trong khi đó, nhiều nhà kho hiện đang chào bán gạo Hè Thu đầu vụ TUY NHIÊN rất khó giao dịch do mặt gạo đen, giá thành cao do tỷ lệ thu hồi trước đó thấp.

Bảng giá xuất khẩu tham chiếu và giá chào xuất khẩu của doanh nghiệp, chủng loại 5/15/25/100% tấm; Jasmine/Nếp (ĐX) (USD/tấn, FOB, hàng tàu)

Ngày/Date	08/06	09/06	10/06	13/06
Giá XK tham chiếu AGM	370/360/355/335 470/490	370/360/355/335 470/490	370/360/355/335 470/490	370/360/355/335 470/490
Giá chào XK của DN			365/360/345/330/ 470/----	

Ngày/Date	14/06	15/06	16/06	17/06
Giá XK tham chiếu AGM	370/360/355/335 470/490	365/355/350/335 470/490	365/355/350/335 470/490	365/355/350/335 470/490
Giá chào XK của DN	365/360/345/330 470/----			365/360/345/330 470/----

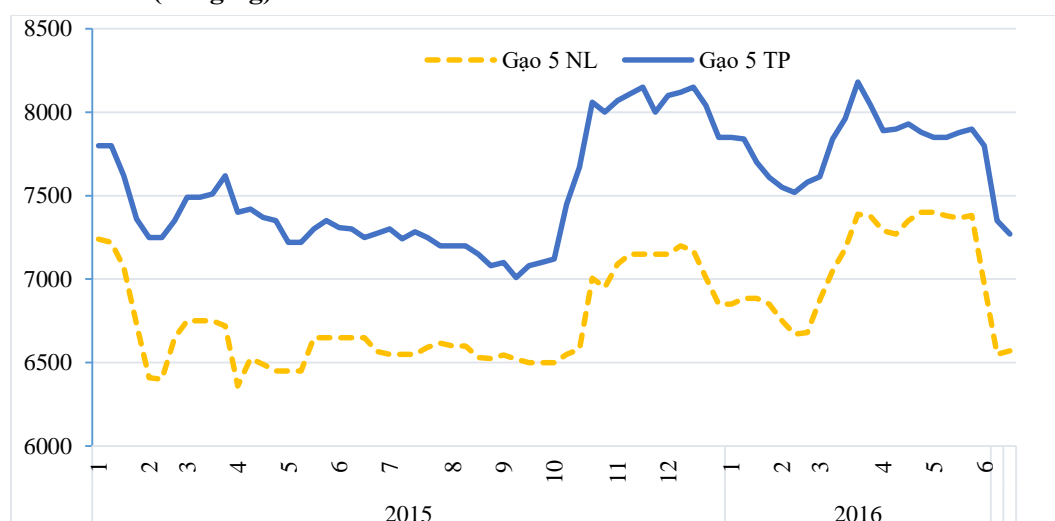
Ghi chú: Giá xuất khẩu tham chiếu được AgroMonitor ước tính từ giá gạo tại kho tại Sa Đéc và Kiên Giang cộng thêm chi phí xuất khẩu 400 đồng/kg và 120 đồng/kg lợi nhuận tối thiểu của doanh nghiệp. Giá xuất khẩu tham chiếu gạo Nếp được AgroMonitor ước tính từ giá gạo tại kho Long An cộng thêm chi phí xuất khẩu gạo Nếp ở mức 450 đồng/kg, 300 đồng sortex và 200 đồng/kg lợi nhuận tối thiểu của doanh nghiệp.

3. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA – GIÁ GẠO NGUYÊN LIỆU TRẮNG TĂNG

3.1. Gạo trắng – giá gạo nguyên liệu tăng do chất lượng cải thiện, nhu cầu thu mua khá

Tại Sa Đéc, giá gạo nguyên liệu IR 50404 cuối tuần tăng mạnh, chất lượng gạo Hè Thu được cải thiện, nhu cầu thu mua từ các nhà kho nhiều. Giá gạo nguyên liệu IR 50404 Hè Thu/ OM 5451 Hè Thu/ OM 5451 Đông Xuân ở mức 6350-6450/6900-7000/8100-8200 đồng/kg, tại kho.

Giá gạo nguyên liệu, thành phẩm tại Kiên Giang theo tuần, cập nhật đến tuần 13/06-17/06/2016 (đồng/kg)



Ghi chú: Tuần 06/06-10/06/2016: giá gạo TP 5 Hè Thu

Giá gạo nguyên liệu, thành phẩm tại Sa Đéc, tại kho

Gạo NL/TP	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06
NL IR 504 XH	6100-6200	6100-6200	6100-6200	6100-6200	6150-6250
NL IR 504 ĐX	7000	7000	-	-	-
Gạo TP IR 504	7200	7200	7000	7000	7000
Gạo NL OM 5451	6800-6900	6800-6900	6500-6600	6400-6500	6400-6500

Gạo NL/TP	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06
NL IR 504 Hè Thu	6150-6250	6200-6300	6250-6300	6250-6300	6350-6450
NL IR 504 ĐX	-	-	-	-	-
Gạo TP IR 504	6900	6900	6900	6900	6900
Gạo NL OM 5451	6600-6700	6600-6700	6600-6700	6600-6700	6900-7000

Giá gạo nguyên liệu, thành phẩm tại Sa Đéc, tại kho – USD/tấn

Gạo NL/TP	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06
NL IR 504 XH	273-278	273-278	273-278	273-278	276-280
NL IR 504 ĐX	314	314	-	-	-
Gạo TP IR 504	323	323	314	314	314
Gạo NL OM 5451	305-309	305-309	291-296	287-291	287-291

Gạo NL/TP	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06
NL IR 504 Hè Thu	276-281	278-283	281-283	281-283	285-290
NL IR 504 ĐX	-	-	-	-	-
Gạo TP IR 504	310	310	310	310	310
Gạo NL OM 5451	296-301	296-301	296-301	296-301	310-314

Tỉ giá quy đổi trong tuần là 22.275VND/USD

Tại Kiên Giang, giá gạo nguyên liệu và thành phẩm cuối tuần tăng. gạo thành phẩm trắng IR 50404/dài HT ở mức 7000-7100/7600-7700 đồng/kg, tại kho. Giá gạo thơm Jasmine/ Nàng Hoa/ KDM ở mức 9700/10000/12200 đồng/kg, cập mạn.

Giá gạo nguyên liệu, thành phẩm tại Kiên Giang

Gạo NL/TP	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06
Gạo NL IR504	6100-6200	6100-6200	6100-6200	6100-6200	6100-6200
Gạo NL dài	6500-6600	6500-6600	6500-6600	6500-6600	6500-6600
Gạo TP 5	7350	7350	7350	7350	7350
Gạo TP 15	7250	7250	7250	7250	7250
Gạo TP 25	7150	7150	7150	7150	7150
Tấm 1,2	6700	6700	6700	6700	6700
Jasmine	9800	9800	9800	9800	9800
Cám	5100	5100	5100	5100	5100

Gạo NL/TP	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06
Gạo NL IR504	6100-6200	6200-6250	6200-6250	6200-6250	6200-6300
Gạo NL dài	6500-6600	6500-6600	6500-6600	6500-6600	6600-6700
Gạo TP 5 Hè Thu	7350	7250	7250	7250	7250
Gạo TP 15 Hè Thu	7250	7150	7150	7150	7150

Giải mã Thị trường

Gạo TP 25 Hè Thu	7150	7050	7050	7050	7050
Tấm 1,2	6700	6700	6700	6700	6700
Jasmine	9800	9700	9700	9700	9700
Cám	5150	5150	5200	5200	5200

Giá gạo nguyên liệu, thành phẩm tại Kiên Giang – USD/tấn

Gạo NL/TP	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06
Gạo NL IR504	273-278	273-278	273-278	273-278	273-278
Gạo NL dài	291-296	291-296	291-296	291-296	291-296
Gạo TP 5	329	329	329	329	329
Gạo TP 15	325	325	325	325	325
Gạo TP 25	320	320	320	320	320
Tấm 1,2	300	300	300	300	300
Jasmine	439	439	439	439	439
Cám	228	228	228	228	228

Gạo NL/TP	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06
Gạo NL IR504	274-278	278-281	278-281	278-281	278-283
Gạo NL dài	292-296	292-296	292-296	292-296	296-301
Gạo TP 5 Hè Thu	330	325	325	325	325
Gạo TP 15 Hè Thu	325	321	321	321	321
Gạo TP 25 Hè Thu	321	316	316	316	316
Tấm 1,2	301	301	301	301	301
Jasmine	440	435	435	435	435
Cám	231	231	233	233	233

Tỷ giá quy đổi trong tuần là 22.275VND/USD

Giá Lúa tăng mạnh. Lúa IR 50404 ở mức 4400-4500 đồng/kg, tại đồng. Lúa OM 5451 Hè Thu ở mức 4600-4700. Lúa Japonica/ Nàng Hoa ở mức 5300/5000 đồng/kg, tại đồng.

Giá lúa, đồng/kg

Chủng loại	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06
IR 50404	3900-4000	3900-4000	3900-4000	3900-4000	3900-4000
OM 5451	4400	4400	4400	4400	4400
ST21	6000	6000	6000	6000	6000
Nếp	5400	5400	5400	5400	5400
Japonica	5300	5300	5300	5300	5300
Nàng Hoa	5000	5000	5000	5000	5000

Chủng loại	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06
IR 50404	4000	4000	4000	4200-4300	4400-4500
OM 5451	4400	4400	4400	4400-4500	4600-4700
ST21	6000	6000	6000	6000	6000
Nếp	5400	5400	5400	5400	5400
Japonica	5300	5300	5300	5300	5300
Nàng Hoa	5000	5000	5000	5000	5000

Giá lúa, USD/tấn

Chủng loại	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06
IR 50404	175	175	175	175	175
OM 5451	197	197	197	197	197
ST21	269	269	269	269	269
Nếp	242	242	242	242	242
Japonica	237	237	237	237	237
Nàng Hoa	224	224	224	224	224

Chủng loại	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06
IR 50404	180	180	180	189-193	198-202
OM 5451	198	198	198	198-202	207-211
ST21	269	269	269	269	269
Nếp	242	242	242	242	242
Japonica	238	238	238	238	238
Nàng Hoa	224	224	224	224	224

Tỉ giá quy đổi trong tuần là 22.275 VND/USD

Bảng giá cám gạo tại một số địa bàn (đồng/kg)

Địa phương	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06
Sa Đéc	5200-5250	5200-5250	5250-5300	5200-5250	5250-5300
Cần Thơ	5200	5200	5250-5300	5200	5250-5300
Kiên Giang	5150	5150	5200	5200	5200
Cái Bè	5300-5350	5300-5350	5400	5400	5400

Ghi chú: cám khô, không trộn, xơ dưới 7%

3.2. Gạo thơm – Giá ổn định, giao dịch yếu

Giá gạo thơm giảm nhẹ, giá gạo thành phẩm OM 5451/ Jasmine/ Nàng Hoa/ ST 21 Hè Thu tại Cần Thơ ở mức 9100/ 9500/ 9800/ 12000/ 12300 đồng/kg, tại kho, chưa sortex. Tại Kiên Giang, giá gạo thành phẩm Jasmine giảm nhẹ 100 đồng/kg, xuống mức 9700 đồng/kg, cập mạn.

Giá gạo thành phẩm trắng Jasmine 5% tấm, tại kho

Gạo TP	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06
Kiên Giang	9600	9550	9550	9550	9550
Cần Thơ	9700	9700	9700	9700	9700
Long An	9700	9700	9700	9700	9700

Gạo Jasmine vụ Đông Xuân 2015-16.

Giá gạo thành phẩm trắng Jasmine 5% tấm, tại kho, quy đổi ra USD/tấn

Gạo TP	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06
Kiên Giang	431	429	429	429	429
Cần Thơ	435	435	435	435	435
Long An	435	435	435	435	435

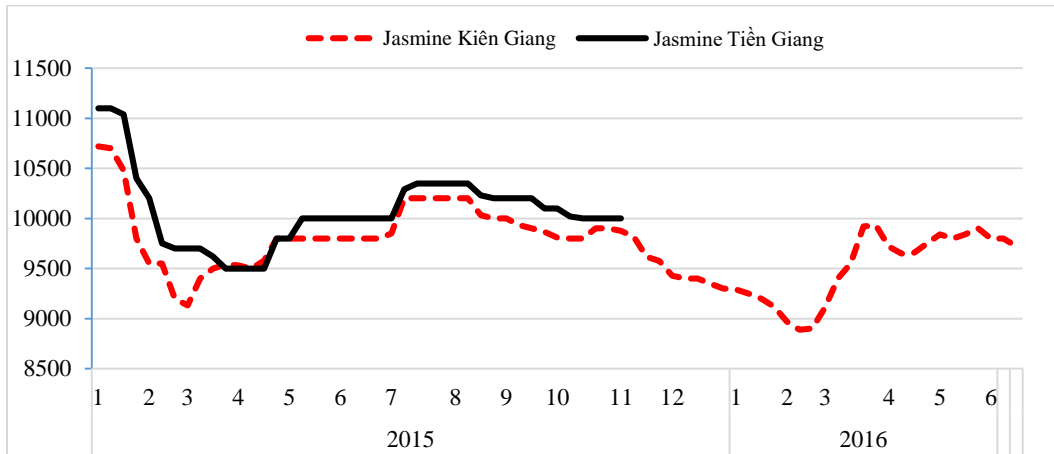
Tỉ giá quy đổi trong tuần là 22.275 VND/USD

Bảng giá một số chủng loại gạo thơm

Chủng loại/ địa phương	Kiên Giang		Long An		Cần Thơ	
	16/06	17/06	16/06	17/06	16/06	17/06
OM 5451 (tại kho)	-	-	-	-	9100	9100
Nàng Hoa	10000	10000	10200	10200	10150	10150

KDM (4 tháng)	12200	12200	-	-	-	-
ST 21 (tạ kho)	-	-	-	-	12000	12000

Giá gạo thành phẩm Jasmine tại Kiên Giang theo tuần, đến tuần 13/06-17/06/2016 (đồng/kg, cập mạn)



3.3. Gạo nếp – Giá Nếp ổn định, giao dịch yếu

Tại Long An, thị trường trầm lắng. Giá thành phẩm Nếp (Đông Xuân) ổn định ở mức 10000 đồng/kg, tại kho, chưa sortex. Nhu cầu thu mua từ nhà kho tại Long An tiếp tục ngưng lại. Thương lái ngừng đi hàng nhiều do nhu cầu yếu.

Giá Nếp tại kho An Giang và Long An, chưa sortex, VND/kg

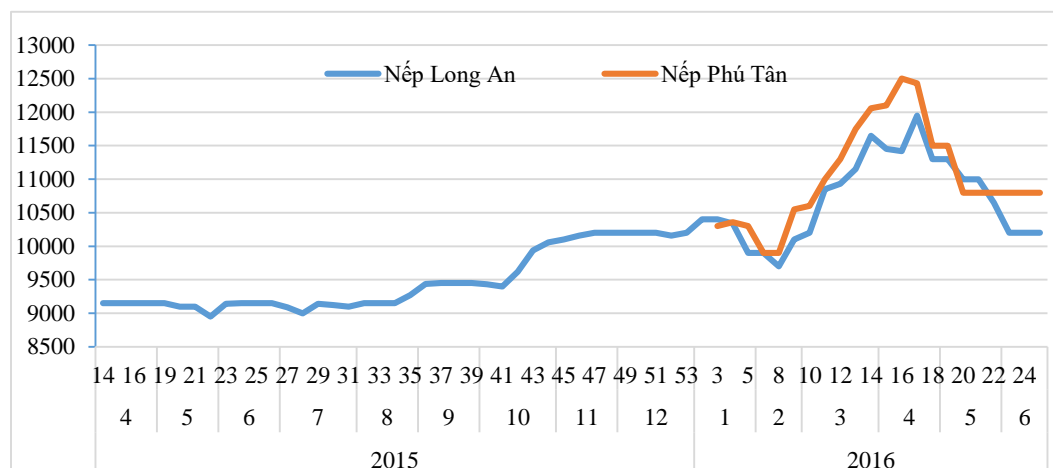
Nếp	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06
Long An	10000	10000	10000	10000	10000

Giá Nếp tại kho An Giang và Long An, chưa sortex, quy đổi USD/tấn

Nếp	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06
Long An	445	445	445	445	445

Tỷ giá quy đổi trong tuần là 22.275 VND/USD

Giá gạo Nếp tại Long An và An Giang theo tuần, đến tuần 13/06-17/06/2016 (đồng/kg, tại kho)



4. NGUỒN CUNG HÈ THU 2016

Tính đến ngày 9/6/2016, theo số liệu của Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL vụ Hè Thu xuống giống ước 1,200/1,650 ngàn ha diện tích kế hoạch, thu hoạch khoảng 180.000 ha với năng suất 5,5 - 5,7 tấn/ha.

Giám sát nguồn cung lúa gạo

Địa phương	Tuần 13/06-17/06	Triển vọng Tuần 20/06-24/06
Cần Thơ	Thu hoạch rộ Hè Thu	Nguồn cung Lúa IR 50404 ít
Kiên Giang	Thu hoạch rộ Hè Thu	Nguồn cung Hè Thu nhiều
Hậu Giang	Nguồn cung nhiều	Chất lượng được cải thiện
Tiền Giang	Thu hoạch rộ Hè Thu	Chất lượng gạo được cải thiện
Long An	Thu hoạch rộ Hè Thu	Thu hoạch lúa IR 50404 ít
An Giang	Thu hoạch rộ Hè Thu	Chất lượng gạo khá tốt
Sa Đéc	Thu hoạch Hè Thu rộ	Nguồn cung bắt đầu giảm do cuối vụ thu hoạch
Tháp Mười	Thu hoạch Lúa vụ Hè Thu rộ	Nguồn cung giảm trở lại do cuối vụ thu hoạch

5. GẠO ĐI BẮC – GIAO HÀNG TẠI BIÊN GIỚI CHẬM

Tại Miền Tây: Nhu cầu từ thương nhân đi Bắc tiếp tục yếu. Thương nhân đi Bắc đưa giá gạo IR 50404 Hè Thu ở mức 6900-7000 đồng/kg, tại kho.

Cửa khẩu Cao Bằng: Tại Cao Bằng, giao hàng chậm do phía Trung Quốc siết chặt. Tại Thác Bản Giốc và Quảng Uyên, lượng giao hàng rất ít. Thương nhân ngừng đi hàng nhiều do giao hàng qua phía Trung Quốc rất chậm và rủi ro nhiều. Thương nhân cho biết, nhiều chủ hàng phải đợi từ 8-10 ngày mới giao hàng được qua phía Trung Quốc.

Cửa khẩu Lào Cai: Giao hàng ngưng lại, giao dịch ít.

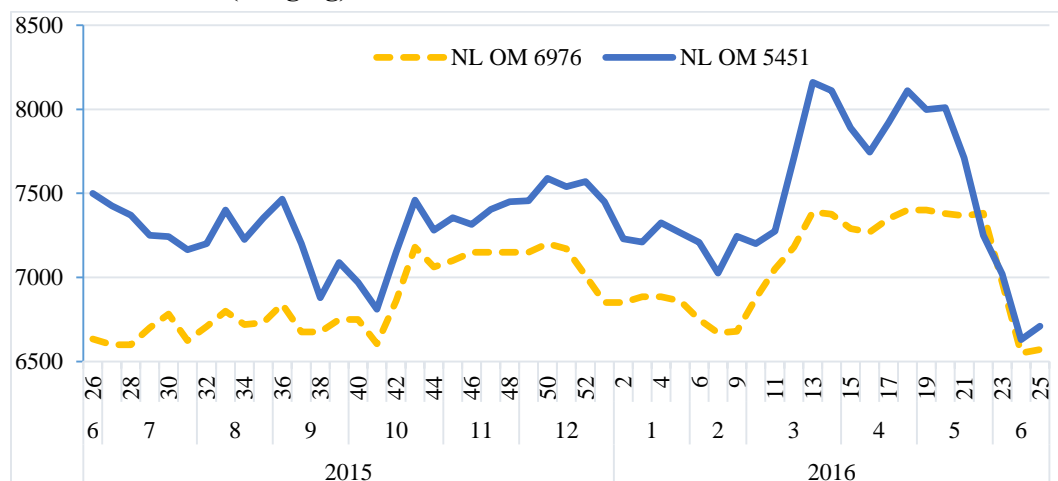
Tại Hải Phòng: Thị trường tiếp tục ảm đạm, giao dịch yếu. Giá gạo thành phẩm IR 50404 Hè Thu tại Hải Phòng tiếp tục giảm, giá gạo thành phẩm Hè Thu ở mức 7200 đồng/kg, tại kho.

Bảng ước lượng gạo tiểu ngạch qua Cao Bằng và Lào Cai (tấn/ngày)

Địa phương	Tuần 22/05-27/05	Tuần 30/05-03/06	Tuần 06/06-10/06	Tuần 13/06-17/06
Tà Lùng	300-500	200-300	200-300	200-300
Quảng Uyên	300-500	200-300	200-300	200-300
Thác Bản Giốc	300-500	200-300	200-300	200-300
Lào Cai	100	100	100	100

Ghi chú: Đối với các lối mở như Hạ Lang, Trùng Khánh, và Trà Lĩnh, xe tải gạo sẽ từ Quảng Uyên chuyên chở đến.

Giá nguyên liệu OM 6976 và OM 5451 tại kho Sa Đéc theo tuần, cập nhật đến tuần 13/06-17/06/2016 (đồng/kg)



Giá gạo thành phẩm đi Bắc, tại kho Miền Tây

Gạo TP	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06
IR 504 XH	6850-6900	6850-6900	6850-6900	6850-6900	6850-6900
IR 504 ĐX	8000	8000	8000	8000	8000
OM 6976	8600	8600	8600	8600	8600

Giá gạo thành phẩm đi Bắc, tại kho Miền Tây – quy đổi USD

Gạo TP	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06
IR 504 XH	308-312	308-312	308-312	308-312	308-312
IR 504 ĐX	359	359	359	359	359
OM 6976	386	386	386	386	386

Tỷ giá quy đổi trong tuần là 22.275 VND/USD

Thông tin tàu cập cảng Hải Phòng đến ngày 16/06/2016

Từ 14-16/6 tàu cập cảng Hải Phòng giao 15,62 ngàn tấn. Từ 1-16/6, tàu cập cảng Hải Phòng giao 55,09 ngàn tấn, trong đó từ An Giang 25,54 ngàn tấn, Cần Thơ 25,03 ngàn tấn và cảng khác 4,51 ngàn tấn. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 16/6, tàu cập cảng Hải Phòng giao 849,5 ngàn tấn (cùng kỳ năm trước 1,188 triệu tấn).

Tên tàu	Ngày	Cảng	Lượng (tấn)
HUNG CUONG 126	11	AN GIANG	2000
CONG THANH 05-BIDV	12	CAN THO	3120
HOANG GIA 46	12	CAN THO	2500
HA NGOC 09	13	DONG THAP	2700
TRUNG THANG 88-BIDV	13	CAN THO	3058
MINH SON 45	14	CAN THO	2400
NASHICO 02	14	AN GIANG	3000
TRUONG XUAN 09-ALCI	15	AN GIANG	1900
THUAN PHAT 68-ALCI	15	AN GIANG	2620
CONG THANH 126	16	CAN THO	3000
HOANG LOC 26	16	CAN THO	2700

Tổng hợp tàu gạo cập cảng Hải Phòng đến ngày 16/06/2016

Tháng	Tuần	An Giang	Cần Thơ	Cảng khác	Tổng	
03/2016	Tuần 1	15,948	9,616		25,564	303,933
	Tuần 2	52,324	26,614	14,668	93,606	
	Tuần 3	57,268	23,150	9,387	89,805	
	Tuần 4	36,180	20,109	3130	59,419	
	Tuần 5	17,479	18,060		35,539	
04/2016	Tuần 1	32,098	40,593	8,032	80,723	170,726
	Tuần 2	13,761	8,980	6,040	28,781	
	Tuần 3	12,743	13,420	2,845	29,008	
	Tuần 4	26,944	2,070	3,200	32,214	
05/2016	Tuần 1	23,954	10,300	5,470	39,724	131,940
	Tuần 2	15,809	10,490	6,080	32,379	
	Tuần 3	10,793	14,940	3,000	28,733	
	Tuần 4	12,546	15,808	2,750	31,104	
06/2016	Tuần 1	8,348	5,300		13,648	55,085
	Tuần 2	9,672	2,955	1,812	14,439	
	Tuần 3	7,520	16,778	2,700	26,998	

6. TÀU GẠO CẢNG SÀI GÒN – TÀU VÀO ĂN HÀNG ĐI CUBA, CHÂU PHI

Thông tin hàng tàu cập cảng Sài Gòn đến ngày 15/06/2016

Ngày 15/6 tàu King Rice cập cảng lấy 26 ngàn tấn đi châu Phi (chủ yếu ăn hàng gạo thơm). Từ 1-15/6, tàu cập cảng Sài Gòn lấy 55 ngàn tấn, trong đó đi châu Phi 26 ngàn tấn và đi Cuba 29 ngàn tấn.

Giải mã Thị trường

Tên Tàu	Nước nhập khẩu	Lượng (tấn)	Chủ Hàng	Ngày vào cảng	Ngày tàu đi
Merlin	Châu Phi	25000	Gia Inter Corp	07/05	
VTC Glory	Châu Phi	22500	KGM	12/05	30/05
Lavaux	Cuba	29000	VNF I	14/05	31/05
VTC Ocean	Châu Phi	5250	Hiệp Lợi	18/05	
Heydee	Cuba	29000	VNF I	11/06	
King Rice	Châu Phi	26000	KGM	15/06	

Tổng hợp tàu cập cảng Sài Gòn đến ngày 15/06/2016 (tấn)

Thị trường/tháng	1/2016	2/2016	3/2016	4/2016	5/2016	6/2016
Philippines	44,350	77,300	67,700			
Châu Phi	69,500		45,000	63,500	52,750	26,000
Indonesia	186,900	176,350	12,800			
Cuba	59,450	29,000	58,000	87,000	29,000	29,000
Malaysia						
Hàn Quốc						
Dongtimo		4,500				
Haiti						
Tổng	360,200	287,150	183,500	150,500	81,750	55,000

7. PHỤ LỤC – SỐ LIỆU SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU

Số liệu xuất khẩu và sản xuất theo tháng năm 2016 (ngàn tấn)

	Tháng 5	5 tháng
Xuất khẩu chính ngạch	310	2349
Xuất khẩu chính ngạch đi Trung Quốc	97	802
Xuất khẩu tiểu ngạch đi Trung Quốc	101	632
Hàng tàu Hải Phòng	132	794
Sản xuất	Đến 9/6/2016 xuống giống Hè Thu đạt 1200/1650 ngàn ha kê hoạch, thu hoạch Hè Thu đạt 180 ngàn ha.	

Số liệu xuất khẩu và sản xuất theo tháng năm 2015 (ngàn tấn)

	Tháng 5	5 tháng
Xuất khẩu chính ngạch	565	2402
Xuất khẩu chính ngạch đi Trung Quốc	285	923
Xuất khẩu tiểu ngạch đi Trung Quốc	121	949
Hàng tàu Hải Phòng	154	1126
Sản xuất	Đến 11/06/2015 xuống giống Hè Thu đạt 1250/1650 ngàn ha kế hoạch, thu hoạch sớm Hè Thu 120 ngàn ha.	

So sánh tiến độ Hè Thu 2016 so với cùng kỳ

Tháng		5	6	7	8	9	10
Diện tích xuống giống	2015	1250	1640	1668	1668	1668	1668
	2016	1000	1678	1678	1678		
Thu hoạch	2015	120	120	820	1250	1550	1688
	2016	120	180	1150	1400	1678	

Ghi chú:

- Số liệu tháng 6: Đến ngày 9/6 cùng kỳ. Các tháng 5, 7, 8, 9, 10 là số liệu vào cuối tháng.
- Hè Thu 2016 thu hoạch được 400 ngàn ha tính đến thời điểm 17/06 - số liệu do chúng tôi ước tính
- Số liệu thu hoạch Hè Thu tháng 7, 8/2016: dự kiến theo số liệu diện tích gieo trồng Hè Thu cuối các tháng 4, 5, 6 của cục trồng trọt
- Tổng diện tích Hè Thu 2016 xuống giống: Theo số liệu cục trồng trọt

Giải mã Thị trường

* Bản quyền thông tin thuộc về Công ty CP Phân tích và dự báo thị trường Việt Nam (AgroMonitor). Việc công bố trên các phương tiện truyền thông đại chúng các thông tin của Bản tin là không được phép nếu không có sự đồng ý của AgroMonitor. Ghi rõ nguồn AgroMonitor khi trích dẫn lại thông tin trong ấn phẩm này. Các thông tin, số liệu được cung cấp đều đã công bố công khai và được AgroMonitor bảo đảm có giá trị tính tới thời điểm phát hành. Những nhận định, dự báo trong ấn phẩm do các chuyên gia của AgroMonitor đưa ra mang tính tham khảo, phục vụ quá trình phân tích, ra quyết định của các doanh nghiệp, nhà quản lý và các tổ chức nhận được ấn phẩm từ AgroMonitor. AgroMonitor sẽ không chịu trách nhiệm về việc khách hàng sử dụng những số liệu và dự báo công bố trong ấn phẩm.